

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN CHÂU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 03-10-2017
V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Quốc.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Mai Thị Kim Thanh;

Ông Phạm Văn Phùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Thân Thị Trang Nhung là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vĩnh – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 10 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 315/2017/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 6 năm 2017 về tranh chấp ly hôn, nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1973; địa chỉ cư trú: Tổ 3, ấp Tân Hòa, xã TT, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Bị đơn: Anh Lê Quang S, sinh năm 1973; địa chỉ cư trú: Tổ 3, ấp Tân Hòa, xã TT, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

Chị V, anh S vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 02 tháng 6 năm 2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị V trình bày:

Chị và anh S sống chung với nhau năm 1994, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TT, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh ngày 17/8/2002, hôn nhân tự nguyện; trong quá trình chung sống anh S không quan tâm chăm sóc gia đình, không lo làm ăn, chị có khuyên ngăn nên xảy ra gây gổ, cãi vã với nhau dẫn đến anh S đánh đập chị nhiều lần, nhưng vì nghĩ tình nghĩa vợ, chồng nên chị không báo chính

quyền địa phương; đến khoảng tháng 4 năm 2017 mâu thuẫn giữa vợ chồng xảy ra trầm trọng, anh S tiếp tục đánh chị, nay chị nhận thấy vợ chồng không thể tiếp tục sống chung được nữa nên chị yêu cầu ly hôn với anh S. Chị và anh S hiện còn sống chung nhà.

Về con chung: Chị và anh S có 02 con chung tên Lê Minh T, sinh ngày 28 tháng 7 năm 1994 và Lê Quyết T1, sinh ngày 27 tháng 6 năm 2007, hai cháu đang sống chung nhà với anh, chị. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu T1, không yêu cầu anh S phải đóng góp nuôi cháu T1 với chị. Riêng cháu T hiện đã thành niên, có khả năng tự lao động nuôi sống mình nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các biên bản lấy lời khai và biên bản hòa giải anh Lê Quang S trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày của chị V về thời gian chung sống, thời gian kết hôn và nơi đăng ký kết hôn, tuy nhiên nguyên nhân mâu thuẫn là vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm, thường xuyên gây gổ nhau, trong khi cãi nhau do nóng tính không kìm chế được nên anh có đánh chị V nhiều lần nhưng không gây thương tích, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn từ tháng 4 năm 2017 đến nay và hiện vẫn còn sống chung nhà, nay chị V yêu cầu ly hôn anh không đồng ý, vì còn thương vợ, thương con.

Về con chung: Anh thống nhất vợ, chồng có 02 con chung, họ tên, ngày tháng năm sinh như chị V trình bày, nếu ly hôn anh đồng ý giao cháu T1 cho chị V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; anh không tự nguyện đóng góp nuôi cháu T1 với chị V. Riêng cháu Lê Minh T, sinh ngày 28 tháng 7 năm 1994 đã thành niên, có khả năng tự lao động nuôi sống mình nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh thống nhất với trình bày của chị V, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị V, anh Lê Quang S vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ theo trình tự thủ tục, thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự

Về nội dung giải quyết vụ án:

- Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị V đối với anh S.

- Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận anh S đồng ý giao cháu Lê Quang T1, sinh ngày 27 tháng 6 năm 2007 cho chị V tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Ghi nhận chị V không yêu cầu anh S phải đóng góp nuôi cháu T1 với chị.

Ghi nhận cháu Lê Minh T, ngày 28 tháng 7 năm 1994 đã thành niên, tự lao động nuôi sống mình nên chị V, anh S không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận chị V, anh S không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị V và anh Lê Quang S vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị V và anh S.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị V và anh Lê Quang S chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1994, hôn nhân giữa chị V và anh S là tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử nhận định đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị V thấy rằng, trong quá trình giải quyết vụ án anh S không đồng ý ly hôn với chị V với lý do còn thương vợ, thương con, tuy nhiên tại biên bản lấy lời khai và biên bản hòa giải anh S thừa nhận vợ chồng sống chung có mâu thuẫn xảy ra, anh có đánh chị V nhiều lần như chị V trình bày nên Hội đồng xét xử xét thấy, trong thời gian chung sống anh S nhiều lần đánh chị V, có hành vi bạo lực gia đình làm cho hôn nhân giữa anh, chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không thể đạt được nên cho ly hôn giữa chị V và anh S là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị V và anh S có 02 con chung tên Lê Minh T, sinh ngày 28 tháng 7 năm 1994 và Lê Quyết T1, sinh ngày 27 tháng 6 năm 2007, hiện hai cháu đang sống chung với anh, chị. Xét yêu cầu được quyền nuôi cháu T1 của chị V thấy rằng, trong quá trình giải quyết vụ án, cháu T1 có nguyện vọng muốn sống với chị V, anh S đồng ý giao cháu cho chị V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và chị V không yêu cầu anh S phải đóng góp cùng với chị nuôi cháu T1 nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Đối với cháu Lê Minh T, sinh ngày 28 tháng 7 năm 1994 đã thành niên, có khả năng tự lao động nuôi sống mình; chị V, anh S không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận chị V, anh S không yêu cầu giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị V phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị V và anh Lê Quang S.

2. Về con chung: Giao con chung Lê Quang T1, sinh ngày 27 tháng 6 năm 2007 cho chị Nguyễn Thị V trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Ghi nhận chị V không yêu cầu anh S phải đóng góp nuôi cháu T1 với chị V.

Ghi nhận cháu Lê Minh T, sinh ngày 28 tháng 7 năm 1994 đã thành niên, có khả năng tự lao động nuôi sống mình nên chị V, anh S không yêu cầu giải quyết.

Anh Lê Quang S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị V, anh S không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí : Chị Nguyễn Thị V phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu số **0024309 ngày 05 tháng 6 năm 2017** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, Tây Ninh; chị V đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Chị Nguyễn Thị V, anh Lê Quang S có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Châu;
- CC THADS huyện Tân Châu;
- UBND xã TT;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thanh Quốc